

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/7/2017.

V/v: “ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi.
2. Ông Giáp Hà Tĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 6 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 14/2017/TB-TA, ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Minh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị M yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: chị M yêu cầu được ly hôn với anh T. Bởi vì chị M và anh T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND xã N vào tháng 11/2016. Sau khi kết hôn, chị M và anh T chung sống không có hạnh phúc, do anh T không tin tưởng, nghi ngờ chị M không chung thủy, có lúc gây gổ, thậm chí đánh đập chị M. Quá trình chung sống, anh T không thay đổi được bản thân mà ngày càng tạo áp lực nên chị M đã chủ động sống ly

thân với anh T. Hiện nay chị M không còn tình cảm gì với anh T, nhận thấy việc chung sống không mang lại hạnh phúc nên chị M yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Hiện tại chị M đang mang thai, chưa sinh con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Minh T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND xã N vào năm 2016. Sau khi kết hôn, chị M thường đi làm xa, ít có điều kiện gần gũi, quan tâm nên tình cảm vợ chồng có phần lạnh nhạt. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân vẫn có hạnh phúc; vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, bản thân anh T vẫn còn tình cảm với chị M, mong muốn vợ chồng quay về chung sống lại với nhau. Do đó, anh T không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Hiện tại chị M đang mang thai chứ chưa sinh con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203, 244 BLTTDS; Điều 56 Luật HNGĐ; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị M được ly hôn với anh T; đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị M. Về án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Chị M đã nộp đủ tiền án phí. Chị M được trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị M và anh Trương Minh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2016. Sau khi kết

hôn vợ chồng chị M và anh T chung sống được thời gian đầu thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống, không tin tưởng nhau, từ đó thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống. Hiện tại chị M và anh T không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị M vẫn cương quyết ly hôn với anh T chứ không muốn quay về chung sống. Tại phiên tòa hôm nay, anh T không đồng ý ly hôn với chị M mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện tại chị M và anh T không còn chung sống với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị M và anh T tại địa phương. Qua nhiều lần Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị M hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh T; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung*: Tính đến thời điểm giải quyết ly hôn, chị M đang mang thai, chưa sinh con; các đương sự cũng không có yêu cầu giải quyết gì về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án, chị M có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Tuy nhiên, sau đó chị M đã làm đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 244 BLTTDS.

[4] *Về án phí*: Cần buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho chị M số tiền tạm ứng án phí dân sự (chia tài sản chung) đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trương Minh T.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị M.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011810, ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị M 1.231.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N.0011812, ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/7/2017 (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
 (Đã ký)

Hạ Hải Hồ